**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KIỂM TRA**

**MÔN: HOÁ HỌC – LỚP8**

**Bài 1. TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA OXIT - KHÁI QUÁT VỀ SỰ PHÂN LOẠI OXIT**

**Câu 1**: (Mức 1) Oxit là:

A. Hỗn hợp của nguyên tố oxi với một nguyên tố hoá học khác.

B. Hợp chất của nguyên tố phi kim với một nguyên tố hoá học khác.

C. Hợp chất của oxi với một nguyên tố hoá học khác.

D. Hợp chất của nguyên tố kim loại với một nguyên tố hoá học khác.

**Câu 2:** (Mức 1) Oxitaxit là:

A. Những oxit tác dụng với dung dịch axit tạo thành muối và nước.

B. Những oxit tác dụng với dung dịch bazơ tạo thành muối và nước.

C. Những oxit không tác dụng với dung dịch bazơ và dung dịch axit.

D. Những oxit chỉ tác dụng được với muối.

**Câu 3:**(Mức 1) OxitBazơ là:

A. Những oxit tác dụng với dung dịch axit tạo thành muối và nước.

B. Những oxit tác dụng với dung dịch bazơ tạo thành muối và nước.

C. Những oxit không tác dụng với dung dịch bazơ và dung dịch axit.

D. Những oxit chỉ tác dụng được với muối.

**Câu 4:** (Mức 1) Oxit lưỡng tính là:

A. Những oxit tác dụng với dung dịch axit tạo thành muối và nước.

B. Những oxit tác dụng với dung dịch bazơ và tác dụng với dung dịch axit tạo thành muối và nước.

C. Những oxit tác dụng với dung dịch bazơ tạo thành muối và nước.

D. Những oxit chỉ tác dụng được với muối.

**Câu 5:** (Mức 1)Oxit trung tính là:

A. Những oxit tác dụng với dung dịch axit tạo thành muối và nước.

B. Những oxit tác dụng với dung dịch bazơ tạo thành muối và nước.

C. Những oxit không tác dụng với axit, bazơ, nước.

D. Những oxit chỉ tác dụng được với muối.

**Câu 6:** (Mức 1) Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

A. CO2, B. Na2O. C. SO2, D. P2O5

**Câu 7:** (Mức 1) Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit là

A. K2O. B. CuO. C. P2O5. D. CaO.

**Câu 8:** (Mức 1)Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

A. K2O. B. CuO. C. CO. D. SO2.

**Câu 9:**( Mức 1)Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit là:

A. CaO, B. BaO, C. Na2O D. SO3.

**Câu 10:** (Mức 1) Chất khí nào sau đây là nguyên nhân gây ra hiệu ứng nhà kính ?

A. CO2 B. O2 C. N2 D. H2

**Câu 11:**( Mức 1)Lưu huỳnh trioxit (SO3) tác dụng được với:

A. Nước, sản phẩm là bazơ. B. Axit, sản phẩm là bazơ.

C. Nước, sản phẩm là axit D. Bazơ, sản phẩm là axit.

**Câu 12:** (Mức 1) Đồng (II) oxit (CuO) tác dụng được với:

A. Nước, sản phẩm là axit. B. Bazơ, sản phẩm là muối và nước.

C. Nước, sản phẩm là bazơ. D. Axit, sản phẩm là muối và nước.

**Câu 13:** (Mức 2) Sắt (III) oxit (Fe2O3) tác dụng được với:

A. Nước, sản phẩm là axit. B. Axit, sản phẩm là muối và nước.

C. Nước, sản phẩm là bazơ. D. Bazơ, sản phẩm là muối và nước.

**Câu 14:** (Mức 1) Công thức hoá học của sắt oxit, biết Fe(III) là:

A. Fe2O3. B. Fe3O4. C. FeO. D. Fe3O2.

**Câu 15:** (Mức 2)Dãy chất sau đây chỉ gồm các oxit:

A. MgO, Ba(OH)2, CaSO4, HCl. B. MgO, CaO, CuO, FeO.

C. SO2, CO2, NaOH, CaSO4.  D. CaO, Ba(OH)2, MgSO4, BaO.

**Câu 16:** (Mức 2)0,05 molFeO tác dụng vừa đủ với:

A. 0,02mol HCl. B. 0,1mol HCl. C. 0,05mol HCl. D. 0,01mol HCl.

**Câu 17:** (Mức 2)0,5mol CuO tác dụng vừa đủ với:

A. 0,5mol H­2SO4. B. 0,25mol HCl. C. 0,5mol HCl. D. 0,1mol H2SO4.

**Câu 18:** (Mức 2)Dãy chất gồm các oxitaxit là:

A. CO2, SO2, NO, P2O5. B. CO2, SO3, Na2O, NO2.

C. SO2, P2O5, CO2, SO3. D. H2O, CO, NO, Al2O3.

**Câu 19:** (Mức 2)Dãy chất gồm các oxitbazơ:

A. CuO, NO, MgO, CaO. B. CuO, CaO, MgO, Na2O.

C. CaO, CO2, K2O, Na2O. D. K2O, FeO, P2O5, Mn2O7.

**Câu 20:**(Mức 2)Dãy chất sau là oxit lưỡng tính:

A. Al2O3, ZnO, PbO2, Cr2O3. B. Al2O3, MgO, PbO, SnO2.

C. CaO, ZnO, Na2O, Cr2O3. D. PbO2, Al2O3, K2O, SnO2.

**Câu 21:** (Mức 2)Dãy oxit tác dụng với nước tạo ra dung dịch kiềm:

A. CuO, CaO, K2O, Na2O. B. CaO, Na2O,K2O, BaO.

C. Na2O, BaO, CuO, MnO. D. MgO, Fe2O3, ZnO, PbO.

**Câu 22:** (Mức 2)Dãy oxit tác dụng với dung dịch axitclohiđric (HCl):

A. CuO, Fe2O3, CO2, FeO. B. Fe2O3, CuO, MnO, Al2­O3.

C. CaO, CO, N2O5, ZnO.D. SO2, MgO, CO2, Ag2O.

**Câu 23:** (Mức 2)Dãy oxit tác dụng với dung dịch NaOH:

A.CuO, Fe2O3, SO2, CO2. B. CaO, CuO, CO, N2O5.

C. CO2, SO2, P2O5, SO3. D. SO2, MgO, CuO, Ag2O.

**Câu 24:** (Mức 2)Dãy oxit vừa tác dụng nước, vừa tác dụng với dung dịch kiềm là:

A.CuO, Fe2O3, SO2, CO2. B. CaO, CuO, CO, N2O5.

C. SO2, MgO, CuO, Ag2O. D. CO2, SO2, P2O5, SO3.

**Câu 25:** (Mức 2)Dãy oxit vừa tác dụng với nước, vừa tác dụng với dung dịch axit là:

A.CuO, Fe2O3, SO2, CO2. B. CaO, CuO, CO, N2O5.

C. CaO, Na2O, K2O, BaO. D. SO2, MgO, CuO, Ag2O.

**Câu 26:** (Mức 2)Dãy oxit vừa tác dụng với axit, vừa tác dụng với kiềm là:

A. Al2O3, ZnO, PbO2, Cr2O3. B. Al2O3, MgO, PbO, SnO2.

C. CaO, FeO, Na2O, Cr2O3. D. CuO, Al2O3, K2O, SnO2.

**Câu 27:** (Mức 2)Hai oxit tác dụng với nhau tạo thành muối là:

A. CO2 và BaO. B. K2O và NO. C. Fe2O3 và SO3. D. MgO và CO.

**Câu 28:** (Mức 2)Một oxit của photpho có thành phần phần trăm của P bằng 43,66%. Biết phân tử khối của oxit bằng 142đvC. Công thức hoá học của oxit là:

A. P2O3. B. P2O5. C. PO2.  D. P2O4.

**Câu 29:** (Mức 2)Một oxit được tạo bởi 2 nguyên tố là sắt và oxi, trong đó tỉ lệ khối lượng giữa sắt và oxi là 7/3. Công thức hoá học của oxit sắt là:

A. FeO. B. Fe2O3. C. Fe3O4­. D. FeO2.

**BÀI 3: TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA AXIT**

**Câu 30:** (Mức 1) Dãy gồm các kim loại tác dụng được với dung dịch H2SO4 loãng là:

A. Fe, Cu, Mg. B. Zn, Fe, Cu. C. Zn, Fe, Al. D. Fe, Zn, Ag

**Câu 31:** ( Mức 1) Nhóm chất tác dụng với nước và với dung dịch HCl là:

A. Na2O, SO3 , CO2 . B. K2O, P2O5, CaO.

C. BaO, SO3, P2O5. D. CaO, BaO, Na2O.

**Câu 32:** ( Mức 1)Dãy oxit tác dụng với dung dịch HCl tạo thành muối và nước là:

A. CO2, SO2, CuO. B. SO2, Na2O, CaO.

C. CuO, Na2O, CaO. D. CaO, SO2, CuO.

**Câu 33:** (Mức 2) Dãy oxit tác dụng với dung dịch H2SO4 loãng là:

A. MgO, Fe2O3, SO2, CuO. B. Fe2O3, MgO, P2O5, K2O .

C. MgO, Fe2O3, CuO, K2O. D. MgO, Fe2O3, SO2, P2O5.

**Câu 34:** (Mức 1) Dãy các chất **không** tác dụng được với dung dịch H2SO4 loãng là:

A. Zn, ZnO, Zn(OH)2. B. Cu, CuO, Cu(OH)2.

C. Na2O, NaOH, Na2CO3. D. MgO, MgCO3, Mg(OH)2.

**Câu 35:** (Mức 1) Dãy các chất **không** tác dụng được với dung dịch HCl là:

A. Al, Fe, Pb. B. Al2O3, Fe2O3, Na2O.

C. Al(OH)3, Fe(OH)3, Cu(OH)2. D. BaCl2, Na2SO4, CuSO4.

**Câu 36:** (Mức 1) Chất tác dụng với dung dịch HCl tạo thành chất khí nhẹ hơn không khí là:

A. Mg B. CaCO3  C. MgCO3  D. Na2SO3

**Câu 37:** (Mức 1)CuO tác dụng với dung dịch H2SO4 tạo thành:

A. Dung dịch không màu. B Dung dịch có màu lục nhạt.

C. Dung dịch có màu xanh lam. D. Dung dịch có màu vàng nâu.

**Câu 38:** (Mức 1) Chất phản ứng được với dung dịch HCl tạo ra một chất khí có mùi hắc, nặng hơn không khí và làm đục nước vôi trong:

A. Zn B. Na2SO3 C. FeS D. Na2CO3

**Câu 39:** (Mức 1) Nhóm chất tác dụng với dung dịch H2SO4 loãng sinh ra chất kết tủa màu trắng:

A. ZnO, BaCl2 B. CuO, BaCl2C. BaCl2, Ba(NO3)2D. Ba(OH)2, ZnO

**Câu 40:** ( Mức 1) MgCO3 tác dụng với dung dịch HCl sinh ra:

A. Chất khí cháy được trong không khí B. Chất khí làm vẫn đục nước vôi trong.

C. Chất khí duy trì sự cháy và sự sống. D. Chất khí không tan trong nước.

**Câu 41:** (Mức 1) Dùng quì tím để phân biệt được cặp chất nào sau đây:

A. Dung dịch HCl và dung dịch KOH. B. Dung dịch HCl và dung dịch H2SO4.

C. Dung dịch Na2SO4 và dung dịch NaCl. D. Dung dịch NaOH và dung dịch KOH.

**Câu 42:** (Mức 2) Để phân biệt 2 dung dịch HCl và H2SO4 loãng. Ta dùng một kim loại:

A. Mg B. Ba C. Cu D. Zn

**Câu 43:** (Mức 2) Nhóm chất tác dụng với dung dịchHCl và với dung dịch H2SO4 loãng là:

A. CuO, BaCl2, ZnO B. CuO, Zn, ZnO

C. CuO, BaCl2, Zn D. BaCl2, Zn, ZnO

**Câu 44:** (Mức 2) Dãy các chất tác dụng được với dung dịch H2SO4 loãng tạo thành sản phẩm có chất khí:

A. BaO, Fe, CaCO3 B. Al, MgO, KOH

C. Na2SO3, CaCO3, Zn D. Zn, Fe2O3, Na2SO3

**Câu 45:** (Mức 2) Thuốc thử dùng để nhận biết dung dịch HCl và dung dịch H2SO4 là:

A. K2SO4  B. Ba(OH)2  C. NaCl D. NaNO3

**Câu 46:**(Mức 2) Cho một mẫu giấy quỳ tím vào dung dịch NaOH. Thêm từ từ dung dịch HCl vào cho đến dư ta thấy màu giấy quì:

A. Màu đỏ không thay đổi B. Màu đỏ chuyển dần sang xanh.

C. Màu xanh không thay đổi D. Màu xanh chuyển dần sang đỏ.

TÍNH CHẤT HOÁ HỌC CỦA BAZƠ

**Câu 47**: (Mức 1) Dung dịch KOH phản ứng với dãy oxit:

A.. CO2; SO2; P2O5; Fe2O3 B. Fe2O3; SO2; SO3; MgO

C. P2O5; CO2; Al2O3 ; SO3 D. P2O5 ; CO2; CuO; SO3

**Câu 48**. (Mức 1) Dãy các bazơ bị nhiệt phân huỷ tạo thành oxitbazơ tương ứng và nước:

A. Cu(OH)2 ; Zn(OH)2; Al(OH)3; Mg(OH)2B. Cu(OH)2 ; Zn(OH)2; Al(OH)3; NaOH

C. Fe(OH)3; Cu(OH)2; KOH; Mg(OH)2D. Fe(OH)3; Cu(OH)2; Ba(OH)2; Mg(OH)2

**Câu 49** (Mức 1) Dãy các bazơ làm phenolphtalein hoá đỏ:

A. NaOH; Ca(OH)2; Zn(OH)2; Mg(OH)2B. NaOH; Ca(OH)2; KOH; LiOH

C. LiOH; Ba(OH)2; KOH; Al(OH)3D. LiOH; Ba(OH)2; Ca(OH)2; Fe(OH)3

**Câu 50** (Mức 1) Dung dịch KOH **không có** tính chất hoá học nào sau đây?

A. L àm quỳ tím hoá xanh

B. Tác dụng với oxitaxit tạo thành muối và nước

C. Tác dụng với axit tạo thành muối và nước

D. Bị nhiệt phân huỷ tạo ra oxitbazơ và nước

**Câu 51** (Mức 1) Nhóm các dung dịch có pH > 7 là:

A. HCl, HNO3B. NaCl, KNO3 C. NaOH, Ba(OH)2 D. Nước cất, nước muối

**Câu 52**. (Mức 1) Bazơ tan và không tan có tính chất hoá học chung là:

A. Làm quỳ tím hoá xanhB. Tác dụng với oxitaxit tạo thành muối và nước

C. Tác dụng với axit tạo thành muối và nước D. Bị nhiệt phân huỷ tạo ra oxitbazơ và nước

**Câu 53:**(Mức 1) Cho các bazơ sau: Fe(OH)3, Al(OH)3, Cu(OH)2, Zn(OH)2. Khi nung nóng các bazơ trên tạo ra dãy oxitbazơ tương ứng là:

A. FeO, Al2O3, CuO, ZnO B. Fe2O3, Al2O3, CuO, ZnO

C. Fe3O4, Al2O3, CuO, ZnO D. Fe2O3, Al2O3, Cu2O, ZnO

**Câu 54:**(Mức 1) Nhóm bazơ vừa tác dụng được với dung dịch HCl, vừa tác dụng được với dung dịch KOH.

A. Ba(OH)2 và NaOH B. NaOH và Cu(OH)2

C. Al(OH)3 và Zn(OH)2 D. Zn(OH)2 và Mg(OH)2

**Câu 55:**(Mức 1) Có những bazơ Ba(OH)2, Mg(OH)2, Cu(OH)2, Ca(OH)2. Nhóm các bazơ làm quỳ tím hoá xanh là:

A. Ba(OH)2, Cu(OH)2 B. Ba(OH)2, Ca(OH)2

C. Mg(OH)2, Ca(OH)2 D. Mg(OH)2, Ba(OH)2

**Câu 56**. (Mức 1) Cặp chất nào sau đây tồn tại trong một dung dịch (không có xảy ra phản ứng với nhau)?

A. NaOH và Mg(OH)2 B. KOH và Na2CO3

C. Ba(OH)2 và Na2SO4 D. Na3PO4 và Ca(OH)2

**Câu 57**. (Mức 1) Để nhận biết dd KOH và dd Ba(OH)2 ta dùng thuốc thử là:

A. Phenolphtalein B. Quỳ tím C.dd H2SO4 D.dd HCl

**Câu 58**. (Mức 2) Sục 2,24 lít khí CO2 vào dung dịch chứa 0,2 mol NaOH. Dung dịch thu được sau phản ứng chứa:

A. NaHCO3 B. Na2CO3 C. Na2CO3 và NaOH D. NaHCO3 và NaOH

**Câu 59.** (Mức 2) Phản ứng hoá học nào sau đây tạo ra oxitbazơ ?

A. Cho dd Ca(OH)2 phản ứng với SO2 B. Cho ddNaOH phản ứng với dd H2SO4

C. Cho dd Cu(OH)2 phản ứng với HCl D. Nung nóng Cu(OH)2

**Câu 60**. (Mức 2) Dung dịch KOH tác dụng với nhóm chất nào sau đây đều tạo thành muối và nước ?

A. Ca(OH)2,CO2, CuCl2 B. P2O5; H2SO4, SO3

C. CO2; Na2CO3, HNO3 D. Na2O; Fe(OH)3, FeCl3.

**Câu 61.** (Mức 2) Dung dịch Ba(OH)2**không phản ứng** được với:

A. Dung dịch Na2CO3 B. Dung dịch MgSO4 C. Dung dịch CuCl2 D. Dung dịch KNO3

**Câu 62** (Mức 2) NaOH có thể làm khô chất khí ẩm sau:

A. CO2 B. SO2 C. N2 D. HCl

**Câu 63**. (Mức 2) Cặp chất **không tồn tại** trong một dung dịch (chúng xảy ra phản ứng với nhau):

A. CuSO4 và KOH B. CuSO4 và NaCl

C. MgCl2 v à Ba(NO3)2 D. AlCl3 v à Mg(NO3)2

**Câu 64:**. (Mức 2) Cặp chất tồn tại trong một dung dịch (chúng không phản ứng với nhau):

A. KOH v à NaCl B. KOH và HCl

C. KOH v à MgCl2 D. KOH và Al(OH)3

**Câu 65**. (Mức 2) Nhỏ một giọt quỳ tím vào dung dịch KOH, dung dịch có màu xanh, nhỏ từ từ dung dịch HCl cho tới dư vào dung dịch có màu xanh trên thì:

A. Màu xanh vẫn không thay đổi. B.Màu xanh nhạt dần rồi mất hẳn

C. Màu xanh nhạt dần, mất hẳn rồi chuyển sang màu đỏD. Màu xanh đậm thêm dần

**Câu 66**. (Mức 2) Nhóm các khí đều **không** phản ứng với dung dịch KOH ở điều kiện thường:

A. CO2, N2O5, H2SB. CO2, SO2, SO3C. NO2, HCl, HBr D. CO, NO, N2O